Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ GIAI ĐOẠN 2026-2035 CỦA KẾ HOẠCH 214/KH-UBND NGÀY 13/4/2026 CỦA UBND THÀNH PHỐ

(Kèm theo Kế hoạch số 627 /KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2026 của UBND thành phố)

STT	Danh mục	Tổng nhu cầu bố trí dân cư giai đoạn 2026-2035 (hộ)	Trong đó												Ghi chú
			Giai đoạn 2026-2030 (hộ)	Phân kỳ theo năm					Giai đoạn 2031-2035 (hộ)	Phân kỳ theo năm					
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030		Năm 2031	Năm 2032	Năm 2033	Năm 2034	Năm 2035	
	TỔNG SỐ														
I	**Bố trí dân cư vùng thiên tai**	**69**	**59**	**0**	**25**	**20**	**7**	**7**	**10**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	
A	***TẬP TRUNG:***														
B	***XEN GHÉP:***	***69***	***59***	***0***	***25***	***20***	***7***	***7***	***10***	***2***	***2***	***2***	***2***	***2***	
1	Phương án bố trí dân cư xen ghép phường Phú Bài	**20**	**10**		3	3	2	2	**10**	2	2	2	2	2	Sạt lở bờ sông, ngập lụt
2	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò xã Vinh Lộc	**20**	**20**		5	5	5	5							Hộ du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước
3	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò xã Phú Lộc	**8**	**8**		4	4									Hộ du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước
4	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò phường Thuận An	7	7		3	4									Hộ du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước
5	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò phường Kim Long	7	7		3	4									Hộ du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước
6	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò phường Vỹ Dạ	1	1		1										Hộ du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước
7	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò phường Mỹ Thượng	2	2		2										Hộ du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước
8	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò phường Hóa Châu	2	2		2										Hộ du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước
9	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò xã Phú Vang	2	2		2										Hộ du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước
C	***ỔN ĐỊNH TẠI CHỖ:***														
II	**Bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(Không có)
III	**Bố trí dân cư biên giới**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(Không có)
IV	**Bố trí dân cư hải đảo**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(Không có)
V	**Bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(Không có)
VI	**Bố trí dân cư khu rừng đặc dụng**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(Không có)

Phụ lục II

KINH PHÍ THỰC HIỆN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CỦA KẾ HOẠCH 214/KH-UBND NGÀY 13/4/2026 CỦA UBND THÀNH PHỐ

(Kèm theo Kế hoạch số 627 /KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2026 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2026-2035	Trong đó											Ghi chú
			Nhu cầu giai đoạn 2026-2030	Phân kỳ theo năm					Nhu cầu giai đoạn 2031-2035	Phân kỳ theo năm				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030		Năm 2031	Năm 2032	Năm 2033	Năm 2034	Năm 2035	
	TỔNG SỐ	**24,410.0**	**14,410.0**	**-**	**5,230.0**	**4,530.0**	**2,450.0**	**2,200**	**10,000.0**	**2,250.0**	**2,000.0**	**2,000.0**	**2,000**	**1,750**	
I	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**19,500.0**	**9,750.0**	**-**	**3,000.0**	**3,000.0**	**2,000.0**	**1,750**	**9,750.0**	**2,000.0**	**2,000.0**	**2,000.0**	**2,000**	**1,750**	
1	**Vốn đầu tư phát triển**	**19,500.0**	**9,750.0**	**-**	**3,000.0**	**3,000.0**	**2,000.0**	**1,750.0**	**9,750.0**	**2,000.0**	**2,000.0**	**2,000.0**	**2,000.0**	**1,750.0**	
2	**Vốn sự nghiệp kinh tế**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
II	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**4,910.0**	**4,660.0**	**-**	**2,230.0**	**1,530.0**	**450.0**	**450**	**250.0**	**250.0**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	**Vốn đầu tư phát triển**	**500.0**	**250.0**	**-**	**250.0**	**-**	**-**	**-**	**250.0**	**250.0**	**-**	**-**	**-**	**-**	
2	**Vốn sự nghiệp kinh tế**	**4,410.0**	**4,410.0**	**-**	**1,980.0**	**1,530.0**	**450.0**	**450.0**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
III	**HUY ĐỘNG LỒNG GHÉP NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	**Vốn đầu tư phát triển**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
2	**Vốn sự nghiệp kinh tế**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	

Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ GIAI ĐOẠN 2026-2035

(Kèm theo Kế hoạch số 627 /KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2026 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT		Số dự án (dự án)	Số điểm dân cư (điểm)	Số QĐ, ngày, tháng, năm phê duyệt	Thời gian KC - HT	Nhu cầu KH thực hiện giai đoạn 2026-2035										Ghi chú
						Số hộ	Tổng số (tr.đ)	Trong đó		Chia theo nguồn vốn						
										NSTW		NSĐP		Vốn lồng ghép khác		
								Vốn ĐTPT	Vốn SNKT	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT	
	TỔNG SỐ					69	24,410.0	20,000.0	-	19,500.0	-	500.0	-	-	-	
I	DỰ ÁN BTDC VÙNG THIÊN TAI					69	24,410.0	20,000.0	-	19,500.0	-	500.0	-	-	-	
II	DỰ ÁN BTDC VÙNG ĐBKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
III	DỰ ÁN BTDC CÁC XÃ BIÊN GIỚI	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
IV	DỰ ÁN BTDC CÁC ĐẢO	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
V	DỰ ÁN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN DCTD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
VI	DỰ ÁN BỐ TRÍ DÂN CƯ KHU RỪNG ĐẶC DỤNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Chi tiết tên từng dự án/phương án:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
A	DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT, CHUYỂN TIẾP THỰC HIỆN GĐ 2026-2035	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
I	DA bố trí dân cư vùng thiên tai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
II	DA bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
III	DA bố trí dân cư vùng biên giới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
IV	DA bố trí dân cư vùng hải đảo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
V	DA bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
VI	DA bố trí dân cư khu rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
B	DỰ ÁN DỰ KIẾN MỞ MỚI THỰC HIỆN GĐ 2026-2035	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
I	DA bố trí dân cư vùng thiên tai					69	24,410.0	20,000.0	-	19,500.0	-	500.0	-	-	-	

TT		Số dự án (dự án)	Số điểm dân cư (điểm)	Số QĐ, ngày, tháng, năm phê	Thời gian KC - HT	Nhu cầu KH thực hiện giai đoạn 2026-2035										Ghi chú
						Số hộ	Tổng số (tr.đ)	Trong đó		Chia theo nguồn vốn						
										NSTW		NSĐP		Vốn lồng ghép khác		
1	Phương án bố trí dân cư phường Phú Bài					**20**	**20,000.0**	20,000.0		19,500.0		500.0				
2	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò phường Hóa Châu					**2**	**180.0**		180.0				180.0			
3	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò phường Kim Long					**7**	**630.0**		630.0				630.0			
4	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò xã Phú Lộc					**8**	**720.0**		720.0				720.0			
5	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò phường Thuận An					**7**	**630.0**		630.0				630.0			
6	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò phường Mỹ Thượng					**2**	**180.0**		180.0				180.0			
7	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò xã Phú Vang					**2**	**180.0**		180.0				180.0			
8	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò xã Vinh Lộc					**20**	**1,800.0**		1,800.0				1,800.0			
9	Phương án bố trí dân cư cho các hộ dân sống trên thuyền, đò phường Vỹ Dạ					**1**	**90.0**		90.0				90.0			
II	**DA bố trí dân cư vùng đặc biệt khó khăn**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	**DA bố trí dân cư vùng biên giới**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
IV	**DA bố trí dân cư vùng hải đảo**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
V	**DA bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
VI	**DA bố trí dân cư khu rừng đặc dụng**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

Ghi chú: Trong từng dự án đã sắp xếp thứ tự ưu tiên để thực hiện